

Số: 17/BC-ĐGS

Kon Tum, ngày 03 tháng 7 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chương trình giám sát năm 2023; Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh thành lập Đoàn giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; Đoàn Giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh đã phối hợp với Đoàn ĐBQH tỉnh thực hiện giám sát tại các huyện, các sở ngành<sup>(1)</sup> và làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh. Kết quả giám sát như sau:

#### I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn; triển khai kịp thời các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp<sup>(2)</sup>. Nhìn chung, công tác quản lý, bảo vệ rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo xuyên suốt từ các cấp chính quyền, cơ quan chức năng đến các chủ rừng.

#### II. Kết quả thực hiện

##### 1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng luôn được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện. Các cấp, các ngành đã triển khai thực hiện tuyên truyền trực tiếp và gián tiếp qua các kênh truyền thanh, truyền hình, báo chí, xe lưu động, tờ rơi, các buổi họp dân tại các thôn, làng...<sup>(3)</sup> đặc biệt là công

<sup>1</sup> Từ ngày 08 tháng 5 năm 2023 đến ngày 02 tháng 6 năm 2023, Đoàn giám sát đã giám sát trực tiếp tại UBND các huyện (Ia H'Drai, Đăk Glei, Đăk Tô, Kon Plong, Sa Thầy) và các sở, ngành: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và môi trường; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; các huyện còn lại giám sát qua báo cáo.

<sup>2</sup> Từ năm 2019 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành 235 văn bản triển khai thực hiện liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng.

<sup>3</sup> Từ năm 2019 đến tháng 3/2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức được 5.342 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 209.160 lượt người tham gia; tuyên truyền lưu động 22 lần; 01 Hội thi tìm hiểu chính sách pháp luật về lâm nghiệp; 30 cuộc Hội nghị tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với 978 lượt người tham gia; tuyên truyền trên Đài phát thanh truyền hình được 98 lần; trên đài truyền thanh là 177 lần; trên Báo Kon Tum là 149 lần; Tổ chức tập huấn 13 lần/485 người tham gia; đăng 1.373 tin, bài viết trên lên Trang TTĐT của Chi cục Kiểm lâm, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng. Phát 11.425 tờ rơi, ấn phẩm tuyên truyền QL BVR, xây dựng 17 bảng tuyên truyền bằng meket; in 1.600.000 nội dung tuyên truyền chính sách chi trả DVMTR lên bia vờ, 1.500 nội dung tuyên truyền

tác tuyên truyền, vận động người dân ở khu vực vùng sâu, vùng xa, người dân tộc thiểu số sống gần rừng tham gia quản lý bảo vệ rừng. Việc sử dụng các tư liệu về xét xử các vụ án trong lĩnh vực lâm nghiệp để tuyên truyền đã phát huy tính răn đe trong cộng đồng, tác động tích cực đến nhận thức của người dân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật.

## **2. Về việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng**

### **2.1. Về công tác quản lý rừng (Biểu số 01, 02, 03 kèm theo)**

*a) Về phân định, cắm mốc ranh giới quản lý rừng, đất lâm nghiệp trên bản đồ và thực địa*

Theo số liệu cập nhật diễn biến rừng năm 2022<sup>(4)</sup>, tỉnh Kon Tum có diện tích rừng và đất lâm nghiệp 780.474,59 ha; diện tích đất có rừng 609.968,95 ha (*rừng tự nhiên 547.603,50 ha; rừng trồng 62.365,45 ha*); phân theo chức năng (*rừng đặc dụng: 89.058,68 ha; rừng phòng hộ: 159.364,72 ha; rừng sản xuất: 376.236,54ha*); diện tích chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp là 170.505,64 ha. Theo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, hiện nay cơ bản hoàn thành việc phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp đã giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các tổ chức trước đây đã được đóng mốc phân định ranh giới trên thực địa. Đối với diện tích rừng tự nhiên còn lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phân bố manh mún, nằm xen kẽ với các diện tích đất sản xuất nông nghiệp, nương rẫy, chưa thực hiện việc đóng mốc phân định ranh giới ngoài thực địa.

*b) Về kết quả giao rừng:* Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện giao rừng cho 114 cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các huyện: Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Đăk Hà, Kon Plông, Kon Rẫy, Sa Thầy và thành phố Kon Tum với tổng diện tích được giao là 12.039,83 ha. Công tác bàn giao diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã đang tạm quản lý về cho các đơn vị chủ rừng theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>(5)</sup>: Tổng diện tích rà soát bàn giao là 28.838,27 ha; theo báo cáo, đến nay đã thực hiện bàn giao 20.155,42 ha, chiếm tỷ lệ 70%; diện tích hiện chưa bàn giao: 8.682,85 ha, chiếm tỷ lệ 30%.

*c) Về kết quả cho thuê rừng:* Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 05 dự án phát triển kinh tế xã hội liên quan đến việc cho thuê rừng, tổng diện tích đã cho thuê 71,09 ha (*trong đó rừng tự nhiên 66,24 ha; rừng trồng 4,52 ha; đất*

---

chính sách chi trả DVMTR lên mũ và phát cho các em học sinh; tổ chức 10 lần chương trình truyền thông "Đông hành cùng em đến trường". tổ chức ký cam kết với 3.718 bản cam kết.

<sup>4</sup> Số liệu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 25/4/2023.

<sup>5</sup> Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 về giao diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã đang quản lý (*chưa có kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng*) cho các chủ rừng là Ban quản lý rừng và các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp để quản lý, bảo vệ.

chưa có rừng và đất khác 0,33 ha). Tuy nhiên vì hiện nay chưa có quy định cụ thể về giá cho thuê rừng nên đến nay các dự án có cho thuê rừng này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư và đưa phần diện tích rừng cho thuê ra khỏi phạm vi thực hiện Dự án.

*d) Về việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững:* Tính đến năm 2022, có 15 chủ rừng<sup>(6)</sup> là tổ chức kinh tế đã lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 trên lâm phần quản lý.

*đ) Về kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:* Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, đến nay toàn bộ diện tích đã giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Riêng đối với các chủ rừng là Công ty TNHH MTV lâm nghiệp và Ban quản lý rừng, đến nay chưa hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>(7)</sup>.

*e) Tình hình thực hiện việc theo dõi diễn biến rừng:* Thực hiện quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trên cơ sở số liệu công bố hiện trạng rừng của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh.

## **2.2. Về công tác bảo vệ rừng (Biểu số 04, 05 kèm theo)**

*a) Về việc kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước quản lý, bảo vệ rừng:* Các địa phương thường xuyên rà soát, sắp xếp, kiện toàn, bố trí nhân lực thực thi nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng. Đặc biệt các địa phương đã kiện toàn, duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng<sup>(8)</sup>; Tổ công tác liên ngành quản lý bảo vệ rừng các cấp theo hướng tinh gọn, phát huy hiệu quả, thông suốt trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng<sup>(9)</sup>.

*b) Về tình hình và hoạt động bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh:*

---

<sup>6</sup> Gồm 05 Ban quản lý rừng phòng hộ (Thạch Nham, Kon Rẫy, Đăk Gle, Đăk Hà, Tu Mơ Rông); 03 Ban quản lý rừng đặc dụng (Ban quản lý rừng đặc dụng Đăk Uy, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh; Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray); 07 công ty TNHH MTV Lâm nghiệp (Đăk Gle, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Sa Thầy, Ia H'Drai, Kon Plông và Kon Rẫy)

<sup>7</sup> Theo số liệu báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

<sup>8</sup> Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đổi mới các Công ty nông lâm nghiệp và được Thủ tướng Chính phủ thống nhất tại Văn bản số 1829/TTg-ĐMDN ngày 13 tháng 10 năm 2015. Trên cơ sở Phương án chung, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án sắp xếp đổi mới của 07 Công ty lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý); trong đó có 01 Công ty nhà nước 100% vốn điều lệ thực hiện sản xuất kinh doanh theo phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô, các đơn vị còn lại sắp xếp theo mô hình Công ty Nhà nước 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích.

<sup>9</sup> Trên địa bàn tỉnh có 01 BCĐ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh; 01 Tổ công tác liên ngành cấp tỉnh; 10 BCĐ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Tổ công tác liên ngành cấp huyện và 85 BCĐ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Tổ công tác liên ngành cấp xã

Theo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2023 đã xác định và xử lý được tổng cộng 138 lượt điểm nóng về vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp<sup>(10)</sup>. Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo rà soát, nắm chắc thông tin các đối tượng phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, kiểm tra, xác minh và xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, sắp xếp, kiện toàn duy trì hoạt động các chốt, trạm bảo vệ rừng<sup>(11)</sup> tại các vị trí, khu vực xung yếu, tuyến giao thông, các khu vực trọng điểm; tăng cường công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng nhằm phát huy được sức mạnh tổng hợp giữa các lực lượng<sup>(12)</sup>.

- Tổng số vụ vi phạm đã được xử lý trong lĩnh vực lâm nghiệp là 1.022 vụ; diện tích thiệt hại: 117,08 ha. Kết quả: xử lý hành chính 929 vụ, với diện tích 106,49 ha; xử lý hình sự 93 vụ; 10,59 ha.

*c) Kết quả trồng lại rừng trong các vụ án, vụ việc vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng*

- Tính đến thời điểm giám sát, tổng diện tích rừng đã được trồng lại hoặc thực hiện các biện pháp lâm sinh theo quy định là 82,81 ha, chiếm 70,7% tổng diện tích rừng bị thiệt hại. Trong đó:

+ Diện tích đã trồng lại rừng: 57,78 ha.

+ Diện tích áp dụng các biện pháp lâm sinh (*khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên*): 14,44 ha<sup>(13)</sup>.

+ Diện tích thuộc các vụ án hình sự: 10,59 ha.

- Diện tích chưa khắc phục hậu quả trồng lại rừng: 34,27 ha, chiếm 29,3% tổng diện tích rừng bị thiệt hại.

Qua giám sát tại một số đơn vị, địa phương, nhìn chung các đối tượng vi phạm cơ bản đã triển khai thực hiện việc trồng lại rừng trên diện tích vi phạm; cây trồng chủ yếu cây thông ba lá, cây dổi. Bên cạnh đó, một số diện tích rừng bị thiệt hại (*chủ yếu là các diện tích thuộc lâm phần cấp xã quản lý*) được bảo vệ và áp dụng biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên theo quy định.

*d) Việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) (từ năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023)*

<sup>10</sup> Năm 2019: Phát hiện và xử lý 87 điểm nóng; Năm 2020: Phát hiện và xử lý: 45 điểm nóng; Năm 2021: Phát hiện và xử lý 03 điểm nóng; Năm 2022: Phát hiện và xử lý 03 điểm nóng.

<sup>11</sup> Tổng số chốt, trạm hiện có trên địa bàn toàn tỉnh là 173 chốt, trạm (*trong đó: UBND huyện thành lập, duy trì 12 chốt liên ngành, các đơn vị chủ rừng duy trì 78 chốt và 83 trạm*).

<sup>12</sup> Cụ thể: phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; phối hợp với các tỉnh giáp ranh; hợp tác bảo vệ rừng khu vực biên giới với các tỉnh Át-ta-pu, Sê Kông, Lào.

<sup>13</sup> Các vụ vi phạm không xác định được đương sự vi phạm nên phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 45, Luật Lâm nghiệp và Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Số tổ chức, cá nhân phải trả tiền DVMTR: 78 cơ sở. Trong đó: Cơ sở sản xuất thủy điện: 47 cơ sở (*trong đó: Trung ương điều phối: 17 cơ sở; thu nội tỉnh: 30 cơ sở*); Cơ sở sản xuất và kinh doanh nước sạch: 14 cơ sở (*trong đó: Trung ương điều phối: 01 cơ sở; thu nội tỉnh: 13 cơ sở*); Cơ sở sản xuất công nghiệp trong tỉnh có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp: 17 cơ sở.

- Mức chi trả tiền DVMTR được Chính phủ quy định tại Điều 59, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể: Áp dụng đối với cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/kwh điện thương phẩm; đối với cơ sở sản xuất và kinh doanh nước sạch là 52 đồng/m<sup>3</sup> nước thương phẩm; đối với cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp là 50 đồng/m<sup>3</sup>.

- Số tiền DVMTR các đơn vị phải nộp (*giai đoạn 2019-2023*)<sup>(14)</sup>: 1.406.788,14 triệu đồng, trong đó:

+ Số tiền phải nộp năm trước chuyển sang: 28.989,57 triệu đồng.

+ Số tiền phải nộp phát sinh: 1.377.798,57 triệu đồng.

- Theo báo cáo đến thời điểm giám sát, số tiền DVMTR các đơn vị đã nộp 1.403.234,22 triệu đồng. Số tiền còn phải nộp: 3.553,92 triệu đồng

- Theo báo cáo của các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình là chủ rừng được hưởng tiền DVMTR qua các năm: Năm 2019: có 3.574 đối tượng chủ rừng được chi trả DVMTR với tổng diện tích cung ứng DVMTR là 387.781,36 ha<sup>(15)</sup>. Năm 2020: có 3.542 đối tượng chủ rừng được chi trả DVMTR với tổng diện tích cung ứng DVMTR là 383.880,72 ha<sup>(16)</sup>. Năm 2021: có 3.504 đối tượng chủ rừng được chi trả DVMTR với tổng diện tích cung ứng DVMTR là 378.272,94 ha<sup>(17)</sup>. Năm 2022: có 3.540 đối tượng chủ rừng được chi trả DVMTR với tổng diện tích cung ứng DVMTR là 374.461,14 ha<sup>(18)</sup>.

<sup>14</sup> Số tiền DVMTR Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều phối, số tiền kê khai phải nộp hàng quý của các đơn vị sử dụng DVMTR trên địa bàn tỉnh (*nội tỉnh*) và tiền lãi phát sinh do chậm nộp tiền DVMTR.

<sup>15</sup> Trong đó: có 08 chủ rừng là BQL rừng phòng hộ, đặc dụng với diện tích cung ứng DVMTR là 142.717,47 ha; 07 chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp với diện tích cung ứng DVMTR là 153.160,45 ha; 16 chủ rừng là tổ chức khác với diện tích cung ứng DVMTR là 17.694,96 ha; 74 UBND cấp xã với diện tích cung ứng DVMTR là 28.218,61 ha; 3.426 chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân với diện tích cung ứng DVMTR là 39.241,43 ha và 43 cộng đồng dân cư thôn với diện tích cung ứng DVMTR là 6.748,44 ha

<sup>16</sup> Trong đó: có 08 chủ rừng là BQL rừng phòng hộ, đặc dụng với diện tích cung ứng DVMTR là 142.065,14 ha; 07 chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp dụng với diện tích cung ứng DVMTR là 151.733,10 ha; 17 chủ rừng là tổ chức khác dụng với diện tích cung ứng DVMTR là 17.865,88 ha; 75 UBND cấp xã với diện tích cung ứng DVMTR là 25.532,08 ha; 3.386 chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân với diện tích cung ứng DVMTR là 38.272,32 ha và 49 cộng đồng dân cư thôn với diện tích cung ứng DVMTR là 8.412,20 ha

<sup>17</sup> Trong đó: có 08 chủ rừng là BQL rừng phòng hộ, đặc dụng với diện tích cung ứng DVMTR là 141.705,23 ha; 07 chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp với diện tích cung ứng DVMTR là 149.668,22 ha; 16 chủ rừng là tổ chức khác với diện tích cung ứng DVMTR là 17.748,85 ha; 76 UBND cấp xã với diện tích cung ứng DVMTR là 22.320,49 ha; 3.335 chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân với diện tích cung ứng DVMTR là 37.258,88 ha và 62 cộng đồng dân cư thôn với diện tích cung ứng DVMTR là 9.571,27 ha

<sup>18</sup> Trong đó: có 08 chủ rừng là BQL rừng phòng hộ, đặc dụng với diện tích cung ứng DVMTR là 144.738,44 ha; 07 chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp với diện tích cung ứng DVMTR là 151.018,05 ha; 15 chủ rừng là tổ chức khác với diện tích cung ứng DVMTR là 17.073,98 ha; 44 UBND cấp xã với diện tích cung ứng DVMTR là 9.030,93 ha;

- Hình thức chi trả tiền DVMTR: Thực hiện chi trả tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng, Kho bạc Nhà nước cho các đơn vị chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn<sup>(19)</sup> và chi trả bằng tiền mặt cho một số hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn<sup>(20)</sup>.

*đ) Kết quả trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác*

\* Kết quả thu tiền trồng rừng thay thế

- Từ năm 2019 đến năm 2023 (wóc đến ngày 31 tháng 3 năm 2023), Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã thực hiện thu tiền trồng rừng thay thế theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh với tổng số tiền là 25.698,75 triệu đồng<sup>(21)</sup>. Lũy kế thu tiền trồng rừng thay thế từ năm 2013 - 2023 (wóc đến ngày 31 tháng 3 năm 2023) là 91.747,57 triệu đồng.

- Ngoài ra, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh còn nhận tiền trồng rừng thay thế được thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam với số tiền 7.880,172 triệu đồng.

\* Kết quả trồng rừng thay thế:

- Kết quả trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế: Năm 2020 đã trồng được 186,7 ha<sup>(22)</sup> và chăm sóc năm thứ 4 rừng trồng thay thế năm 2016 với diện tích 1.132,72 ha<sup>(23)</sup>.

- Kết quả hỗ trợ người dân trồng rừng sản xuất: Các địa phương đã hỗ trợ người dân trồng được: 415,32 ha<sup>(24)</sup>.

Qua giám sát tại một số đơn vị, địa phương, nhìn chung việc trồng rừng thay thế được các đơn vị chủ rừng thực hiện chặt chẽ, cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục. Việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu diện tích trồng được các ngành phối hợp chặt chẽ; tỷ lệ cây sống cao.

**2.3. Nguồn kinh phí bố trí sự nghiệp lâm nghiệp:** Theo báo cáo, từ năm 2019 đến năm 2023, Trung ương đã bổ sung có mục tiêu cho tỉnh (từ nguồn vốn

3.338 chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân với diện tích cung ứng DVMTR là 37.251,97 ha và 128 cộng đồng dân cư thôn với diện tích cung ứng DVMTR là 15.347,77 ha

<sup>19</sup> Năm 2019: 253.538,38 triệu đồng (chiếm 99,26%); Năm 2020: 197.504,02 triệu đồng (chiếm 99,98%); Năm 2021: 307.333,57 triệu đồng (chiếm 99,91%); Năm 2022: 184.184,92 triệu đồng (chiếm 100%); Năm 2023: 32.572,1 triệu đồng (chiếm 100%).

<sup>20</sup> Năm 2019: 1.891,57 triệu đồng (chiếm 0,74%); Năm 2020: 42,21 triệu đồng (chiếm 0,02%); Năm 2021: 292,18 triệu đồng (chiếm 0,09%).

<sup>21</sup> Cụ thể: năm 2019 là 16.979,307 triệu đồng, năm 2020 là 1.791,710 triệu đồng, năm 2021 là 2.365,024 triệu đồng, năm 2022 là 4.562,711 triệu đồng, năm 2023 chưa phát sinh thu tiền TRTT), lãi tiền gửi Kho bạc phát sinh là 148,955 triệu đồng (cụ thể: năm 2022 là 109.393.320 đồng, năm 2023 là 39,562 triệu đồng).

<sup>22</sup> 05 đơn vị: Vườn quốc gia Chư Mom Ray 50 ha; BQL RPH Kon Rẫy 30 ha; Cty TNHH MTV lâm nghiệp Sa Thầy 30 ha; Cty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy 35 ha; Cty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô 41,7 ha.

<sup>23</sup> 05 đơn vị: Vườn quốc gia Chư Mom Ray 100 ha, BQL RPH Đăk Glei 49,5 ha; Cty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô 537,7 ha; Cty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy 419,52 ha; Cty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông 26 ha.

<sup>24</sup> Chi hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho huyện Sa Thầy (293,79 ha), Ngọc Hồi (121,53 ha) là 19.414,304 triệu đồng.

*Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững*): 106.996 triệu đồng; Ngân sách tỉnh bố trí: 28.871 triệu đồng để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn. (Biểu số 08 kèm theo)

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Kết quả đạt được:**

- Nhìn chung trong thời gian qua, các cấp, các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng nói chung và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng nói riêng. Công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai các văn bản pháp luật được quan tâm thực hiện. Công tác tuần tra, kiểm soát lâm sản, kiểm tra rừng được tăng cường, thực hiện tốt công tác phối hợp với các tỉnh giáp ranh trong nước và nước bạn trong quản lý, bảo vệ rừng theo các cam kết, thỏa thuận đã ký kết; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định. Kết quả xử phạt vi phạm hành chính đã có tác động tích cực, góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, có tác dụng răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã thành lập, kiện toàn Tổ quản lý bảo vệ rừng liên ngành các cấp theo tinh thần Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương và Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV.

- Công tác trồng lại rừng sau vi phạm, trồng rừng thay thế cơ bản được các chính quyền địa phương và chủ rừng thực hiện.

- Qua giám sát, nhiều đơn vị chủ rừng là các tổ chức kinh tế thực hiện việc khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư trên địa bàn, số tiền dịch vụ môi trường rừng được chi trả phù hợp; một số cộng đồng dân cư mong muốn được đơn vị giao khoán thêm diện tích bảo vệ rừng để tăng thu nhập.

#### **2. Hạn chế, bất cập**

Ngoài các hạn chế, bất cập đã nêu trong báo cáo của các cơ quan, đơn vị và địa phương, qua giám sát thực tế tại các huyện và làm việc với một số đơn vị, Đoàn giám sát nhận thấy vẫn còn một số hạn chế, bất cập trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn, cụ thể như sau:

- Vấn đề chồng lấn đất lâm nghiệp chưa được xử lý dứt điểm. Một số diện tích rừng do cấp xã quản lý còn xảy ra tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp làm nương rẫy<sup>(25)</sup>. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đã giao đất,

<sup>25</sup> Huyện Sa Thầy, Kon Plong, Ia H'Drai.

giao rừng còn chậm<sup>(26)</sup>, chồng chéo<sup>(27)</sup>.

- Diện tích rừng chưa thực hiện bàn giao về các chủ rừng theo quy định của Luật lâm nghiệp và tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy còn nhiều<sup>(28)</sup>. Một số địa phương, đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>(29)</sup>.

- Hiện nay nhiều lâm phần các chủ rừng và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chưa được cắm mốc ranh giới trên bản đồ và thực địa<sup>(30)</sup>; bên cạnh đó đa số cột mốc để phân định ranh giới trên thực địa bị hư hỏng, dẫn đến việc khó xác định được ranh giới đất, rừng được giao, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ<sup>(31)</sup>.

- Việc phê duyệt công bố hiện trạng rừng, kết quả theo dõi diễn biến rừng qua các năm còn chậm<sup>(32)</sup>; số liệu công bố hiện trạng rừng chưa đồng bộ, thống nhất giữa các đơn vị chủ rừng và cơ quan chức năng.

- Đối với việc trồng lại rừng sau vi phạm: Diện tích buộc phải trồng lại rừng sau vi phạm cơ bản đã được khắc phục (*đạt 70,7% bao gồm những diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên*)<sup>(33)</sup>. Qua giám sát thực tế, đối với những trường hợp vi phạm, các đơn vị chủ rừng đã thực hiện bằng việc xã hội hóa cây giống, hỗ trợ cây giống và kết hợp với người vi phạm đào hố thực hiện việc trồng lại rừng<sup>(34)</sup>. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, như: đối tượng vi phạm không có khả năng

<sup>26</sup> Huyện Kon Plong, Đăk Glei và các đơn vị chủ rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, các công ty TNHH MTV lâm nghiệp.

<sup>27</sup> UBND huyện Đăk Glei đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình bị chồng lấn, trình lấp, cấp sai chủ thể đang quản lý, sử dụng đất trên lâm phần quản lý của BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh.

<sup>28</sup> Theo số liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2022, hiện nay tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND cấp xã đang quản lý 194.584,01 ha, chiếm 24,9% tổng diện tích toàn tỉnh.

<sup>29</sup> \* Khó khăn, vướng mắc theo báo cáo của các đơn vị:

- Việc giao đất, giao rừng do cấp xã đang quản lý cho các Ban quản lý rừng và các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp chưa thể hiện bằng Quyết định cụ thể của cấp thẩm quyền nên dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện trên thực địa.

- Chồng lấn diện tích rừng đã giao cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư đang quản lý bảo vệ và 2.359,51 ha (trong đó huyện Ngọc Hồi: 0,3 ha; huyện Kon Plông: 2.290,27 ha; huyện Đăk Glei: 68,94 ha).

- Đã cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân là 9,79 ha (huyện Đăk Glei).

- Diện tích nằm trong kế hoạch GDGR năm 2022 là 1.314,01 ha (huyện Kon Plông).

- Diện tích rừng nhỏ lẻ và không đủ tiêu chí thành rừng là 1.019,17 ha (trong đó: huyện Kon Rẫy 37,95 ha; huyện Ngọc Hồi: 82,28 ha; huyện Kon Plông: 291 ha; huyện Tu Mơ Rông 600,13 ha và huyện Đăk Glei là 7,81 ha)

- Diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp và trồng cây lâu năm là 2.599,31 ha (huyện Kon Plong 2.507,18 ha; huyện Đăk Glei 92.13 ha)

<sup>30</sup> Chủ yếu là các diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phân bố manh mún, nằm xen kẽ với các diện tích đất sản xuất nông nghiệp, nương rẫy.

<sup>31</sup> Huyện Sa Thầy, Ia H'Drai, Đăk Glei, Kon Plong, Đăk Tô.

<sup>32</sup> Năm 2019: Công bố tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Năm 2020: Công bố tại Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Năm 2021: Công bố tại Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Năm 2022: Công bố tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>33</sup> Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo Báo cáo.

<sup>34</sup> Trên cơ sở, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy<sup>(34)</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>(34)</sup> đã chỉ đạo “*đối với các vụ vi phạm hủy hoại rừng không phát hiện các đối tượng vi phạm thì các tổ chức, cá nhân được giao quản lý bảo vệ rừng phải có Phương án trồng, khôi phục lại diện tích rừng bị phá trái pháp luật, kinh phí thực hiện do các đơn vị chủ rừng tự chịu trách nhiệm và không sử dụng ngân sách nhà nước; trong đó đặc biệt tập trung thực hiện việc trồng rừng, khắc phục hậu quả trên diện tích rừng bị hủy hoại trong các vụ án hình sự đang tạm đình chỉ điều tra*”.



trồng lại rừng, chủ yếu là người đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn; một số diện tích không phát hiện đối tượng vi phạm hoặc đang tạm đình chỉ điều tra; một số diện tích rừng được trồng lại xen với các loại cây khác như cây mì, cà phê... cây trồng lại chậm phát triển<sup>(35)</sup>; một số diện tích trồng sát với nương rẫy người dân dễ bị lấn chiếm<sup>(36)</sup>; công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng chưa chặt chẽ<sup>(37)</sup>.

- Đối với trồng rừng thay thế: Qua giám sát, còn đơn vị thực hiện việc trồng rừng thay thế chưa đúng với phương án thiết kế kỹ thuật và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt<sup>(38)</sup>. Một số diện tích trồng cây sinh trưởng chậm<sup>(39)</sup>; mật độ trồng thưa so với thiết kế kỹ thuật theo phương án được duyệt<sup>(40)</sup>.

- Việc cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí... còn gặp vướng mắc về giá cho thuê rừng.<sup>(41)</sup>

- Theo báo cáo của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh<sup>(42)</sup> tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh đã được chi trả đầy đủ<sup>(43)</sup>, tuy nhiên đối với các chủ rừng là Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các đơn vị tổ chức, vẫn còn phải trả là 136.416,37 triệu đồng<sup>(44)</sup>. Bên cạnh đó, việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng dân cư nhận khoán còn chủ rừng thực hiện chưa đồng bộ<sup>(45)</sup>.

- Hiện nay, một số Công ty TNHH MTV lâm nghiệp<sup>(46)</sup> đang gặp vướng mắc đối với việc chi trả nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng đã tạm ứng từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng năm 2021 trong thời gian chưa triển khai thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

<sup>35</sup> Thuộc lâm phần của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plong; Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei.

<sup>36</sup> Huyện Ia H'Drai, Kon Plong.

<sup>37</sup> Diện tích vi phạm đã khởi tố hình sự (nhưng đang trong quá trình tạm đình chỉ), chưa trồng lại rừng, tuy nhiên hiện trạng có khoảng 1,5 ha đã được người dân trồng cây bò ma (không rõ đối tượng cụ thể) (huyện Ia H'Drai).

<sup>38</sup> Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô.

<sup>39</sup> Ban quản lý VQG Chư Mom Ray đề xuất tăng thêm 01 năm chăm sóc đối với diện tích trồng rừng trồng rừng thay thế năm 2020 có cây sinh trưởng chậm (cây sao đen).

<sup>40</sup> Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sa Thầy

<sup>41</sup> Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 05 dự án/71,09 ha phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên vì hiện nay chưa có quy định cụ thể về giá cho thuê rừng nên đến nay các dự án có cho thuê rừng này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư và đưa phần diện tích rừng cho thuê ra khỏi phạm vi thực hiện Dự án.

<sup>42</sup> Công văn số 210/QBVPTR-TCKT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng về việc báo cáo bổ sung tình hình chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 phục vụ Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh.

<sup>43</sup> Tiền DVMTR năm 2022 đã chi trả cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn với số tiền 51.070,85 triệu đồng.

<sup>44</sup> Theo báo cáo của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, đơn vị đã ban hành Thông báo chi trả tiền cho các Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; đối với các chủ rừng có kiến nghị, sau khi hoàn thành kiểm tra, xác minh diện tích, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sẽ phối hợp với liên ngành sớm tham mưu việc chi trả.

<sup>45</sup> Công ty lâm nghiệp Đăk Tô chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng dân cư nhận khoán không chia theo lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

<sup>46</sup> Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Sa Thầy, Ngọc Hồi, Ia H'Drai.

giai đoạn 2021 - 2025.

### 3. Nguyên nhân

#### 3.1. Nguyên nhân khách quan:

- Diện tích rừng phân bố trên địa bàn rộng, chia cắt; lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng còn mỏng nên khó khăn trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm. Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng thu nhập thấp, các chế độ đãi ngộ khác còn hạn chế<sup>(47)</sup>.

- Hiện nay, theo quy định Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan, chưa có quy định cụ thể về giá cho thuê rừng, vì vậy việc thực hiện cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh đang gặp khó khăn, vướng mắc<sup>(48)</sup>.

- Đời sống của người dân địa phương sống liền rừng và ven rừng còn nhiều khó khăn, đa phần lực lượng lao động không có việc làm ổn định. Một số đối tượng vi phạm có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, không có điều kiện để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Năm 2020 là năm kết thúc của giai đoạn 2014 - 2020 bố trí kinh phí để thực hiện chính sách theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ<sup>(49)</sup>. Vì vậy, năm 2021 Trung ương không hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định 2242/QĐ-TTg; để đảm bảo công tác quản lý bảo vệ rừng trong năm 2021 của các công ty (*trong khi chờ Trung ương hỗ trợ kinh phí*), Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng<sup>(50)</sup> tạm ứng cho các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Sa Thầy, Ngọc Hồi, Ia H'Drai để hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng tự nhiên tạm dừng khai thác theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 5157/BTC-TCDN ngày 22 tháng 5 năm 2022, "*Bộ Tài chính đã đề nghị địa phương chủ động sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện chính sách trên, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Trường hợp khó khăn đề nghị địa phương báo cáo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì xây dựng chính sách) xem xét xử lý theo quy định.*".

#### 3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cơ quan chức năng, chính quyền địa phương (*nhất là chính quyền cấp xã*) chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm, chưa kịp thời nắm bắt, theo dõi trong

<sup>47</sup> Qua làm việc với Ban quản lý VQG Chư Mom Ray, hiện nay lương của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng rất thấp (*đại học: 4,6 triệu đồng/tháng/người; trung cấp: 3,8 triệu đồng/tháng/người*), bên cạnh đó, các hợp đồng trên không có chế độ, chính sách hưởng ưu đãi nghề như lực lượng kiểm lâm.

<sup>48</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh đã có kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, theo đó vấn đề giá cho thuê rừng sẽ được cập nhật bổ sung trong Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ (*Văn bản số 1822/TCLN-KL ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tổng cục Lâm nghiệp*).

<sup>49</sup> Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2020

<sup>50</sup> Nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2011, 2012 còn tồn nhưng không xác định hoặc chưa xác định được đối tượng nhận và các nguồn hợp pháp khác

công tác quản lý diện tích rừng được cấp thẩm quyền giao; để xảy ra tình trạng người dân lấn chiếm, phá rừng làm nương rẫy.

- Công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, đơn vị chủ rừng còn chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ, thống nhất, cụ thể: tham mưu trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định giao đất, giao rừng chưa phù hợp với thực tế; chậm trong việc cập nhật theo dõi diễn biến rừng, công bố hiện trạng rừng, số liệu chưa khớp đúng giữa các chủ rừng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế chưa đảm bảo theo phương án thiết kế ban đầu.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ rừng đối với các cấp, các ngành có nơi, có lúc chưa thực sự sâu sát, chưa thường xuyên và chưa quyết liệt.

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân chưa cao, chưa thực hiện đảm bảo đầy đủ quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc chậm công bố hiện trạng rừng năm 2022 tại các huyện, thành phố, nên ảnh hưởng đến quá trình xác định diện tích rừng được chi trả DVMTR cho các chủ rừng.

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát thực hiện chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Khẩn trương chỉ đạo khắc phục những hạn chế, bất cập đã nêu tại mục 2 phần III Báo cáo này.

3. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị là chủ rừng tiếp tục có giải pháp thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

3.1. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch số 34-KH/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV. Cụ thể triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, kiến nghị, đề xuất đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tại Báo cáo số 251-BC/TU ngày 19 tháng 4 năm 2023<sup>(51)</sup>.

3.2. Tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp, điều tra, truy tố, xử lý

---

<sup>51</sup> Báo cáo số 251-BC/TU ngày 19/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

dứt điểm các vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được phát hiện; đồng thời khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện khắc phục hậu quả đối với các diện tích buộc trồng lại rừng theo quy định; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm cấp thẩm quyền đã ban hành; thực hiện nghiệm thu đối với các diện tích trồng lại theo đúng quy trình lâm sinh.

3.3. Chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, các chủ rừng, cộng đồng dân cư và mọi người dân đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; đặc biệt nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong giám sát và tố giác hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng.

3.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, đảm bảo công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp được thi hành thống nhất, đồng bộ, đúng quy định của pháp luật.

3.5. Nâng cao chất lượng trong công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán trồng rừng thay thế của các chủ rừng đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu theo quy định của tại Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn<sup>(52)</sup>.

3.6. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền trồng rừng thay thế, các nguồn vốn hỗ trợ thuộc ngân sách trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo đúng quy định.

3.7. Chỉ đạo Sở, ban ngành nâng cao chất lượng công tác tham mưu thẩm định, phê duyệt, chuyển mục đích sử dụng rừng, sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, kịp thời báo cáo giải quyết, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, tránh việc chạy theo nhà đầu tư. Quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; kiên quyết đình chỉ, thu hồi đối với các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng có sai phạm hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của Nhân dân.

3.8. Chỉ đạo thực hiện việc kiểm kê rừng năm 2024 chặt chẽ, đồng bộ, trong đó giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc liên quan đến công tác quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn trong thời gian qua; đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu về đất lâm nghiệp tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ

---

<sup>52</sup> Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

tướng Chính phủ<sup>(53)</sup> và tình hình thực tế của địa phương.

3.9. Tiếp tục kiến nghị với Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến “quy định cụ thể về giá cho thuê rừng”; theo dõi việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ trong thời gian đến, để kịp thời triển khai thực hiện việc cho thuê rừng đảm bảo quy định.

3.10. Rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm chính; cơ quan, đơn vị phối hợp trên từng địa bàn, khu vực quản lý. Nghiên cứu, có chế tài xử lý trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân liên quan.

3.11. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ quan chức năng, các đơn vị tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng; phát huy vai trò trách nhiệm của chủ rừng; các chủ rừng là tổ chức cần xem xét tăng cường việc khoán bảo vệ rừng cho các cộng đồng dân cư trên địa bàn; chủ động tuần tra, kiểm tra rừng, phát hiện, ngăn chặn, báo cáo kịp thời các nguy cơ, các hành vi vi phạm.

- Triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Rà soát, nắm chắc thông tin các đối tượng phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật để xử lý kịp thời. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

- Nâng cao trách nhiệm, phát huy vai trò, quyền và nghĩa vụ các chủ rừng, thực hiện việc thu hồi rừng theo quy định pháp luật, nhất là đối với các chủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng rà soát, điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế sau khi được cấp thẩm quyền thực hiện bàn giao diện tích rừng, đất lâm nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng dân cư, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng. Thường xuyên phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý bảo vệ rừng và tố giác các hành vi vi phạm; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

---

<sup>53</sup> Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025

4. Chỉ đạo rà soát, nghiên cứu kịp thời, giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị tại các Sở, ban ngành và địa phương. (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*)

Trên đây là báo cáo của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các Sở: NN&PTNT; TN&MT; Tài chính;
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH  
Nguyễn Thế Hải**